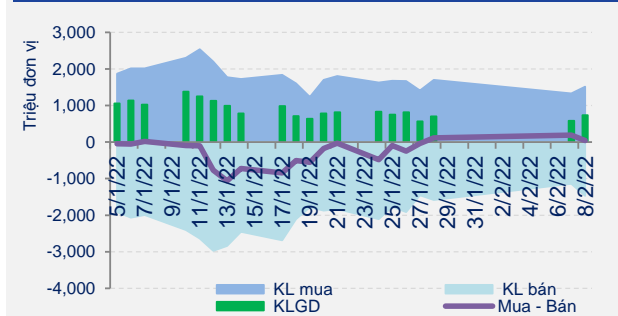
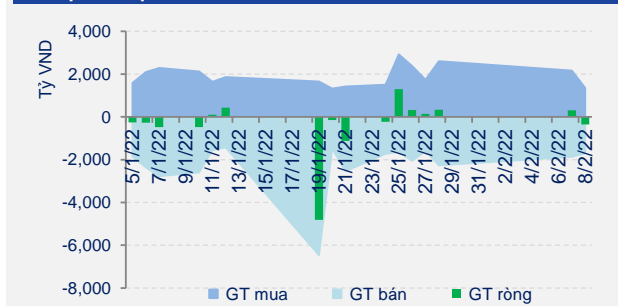


# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 8/2/2022

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,500.99	417.89
% Thay đổi	↑ 0.22%	↓ -0.34%
KLGD (CP)	734,760,607	74,377,947
GTGD (tỷ đồng)	22,555.94	1,962.35
Tổng cung (CP)	1,468,804,600	96,797,000
Tổng cầu (CP)	1,514,625,700	80,503,000

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	44,177,899	116,100
KL mua (CP)	34,912,400	380,605
GT mua (tỷ đồng)	1,346.63	12.73
GT bán (tỷ đồng)	1,697.06	3.43
GT ròng (tỷ đồng)	(350.43)	9.30

**Tương quan cung cầu** HOSE

**Giá trị Giao dịch NĐTNN** HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.98%	20.6	3.4	1.7%
Công nghiệp	↓ -0.13%	22.6	3.2	12.7%
Dầu khí	↓ -0.18%	19.0	2.1	2.4%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.88%	-	10.9	4.2%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.21%	15.8	2.4	0.5%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.15%	19.4	3.7	6.2%
Ngân hàng	↑ 0.63%	13.2	2.4	29.5%
Nguyên vật liệu	↑ 3.75%	9.2	2.2	13.9%
Tài chính	↓ -1.08%	23.5	3.2	26.5%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -0.05%	16.7	2.9	2.5%
VN - Index	↑ 0.22%	17.5	3.1	
HNX - Index	↓ -0.34%	23.3	3.9	

## ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tăng điểm trong phiên thứ hai liên tiếp của năm Nhâm Dần 2022 với mức tăng nhẹ và thanh khoản tuy được cải thiện so với phiên trước đó nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 20 phiên. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 3,33 điểm (+0,22%) lên 1.500,99 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tích cực với 282, mã tăng (23 mã tăng trần), 52 mã. HPG (+5,8%) tăng mạnh và có đóng góp lớn nhất vào mức tăng của VN-Index với 2,901 điểm. Các cổ phiếu thép khác cũng có diễn biến rất tích cực khi đồng loạt tăng trần như HSG (+6,9%), NKG (+6,9%), TLH (+6,7%), SMC (+6,9%), POM (+6,8%), TIS (+14,5%)... Bên cạnh đó, thị trường còn được hỗ trợ tích cực bởi nhóm cổ phiếu ngân hàng như ACB (+3%), TCB (+1,9%), VPB (+2,8%), STB (+0,7%), MSB (+1,8%), CTG (+0,6%), LPB (+0,2%), SHB (+0,4%)... Ngoài ra, một số cổ phiếu lớn khác thuộc nhóm VN30 (+0,6%) cũng tăng tích cực để củng cố sắc xanh cho thị trường như GVR (+2,5%), MWG (+1,8%), SAB (+1,8%), FPT (+1,2%), VJC (+0,8%)... Chiều ngược lại, vẫn còn khá nhiều cổ phiếu lớn giảm khiến cho mức tăng của thị trường bị thu hẹp đáng kể, có thể kể đến VIC (-4,3%), PDR (-2,2%), PNJ (-2,1%), VNM (-1,8%), MSN (-1,6%), VHM (-1,2%), NVL (-1%), GAS (-0,6%), KDH (-0,4%)... Phiên hôm nay là một ngày buồn với cổ phiếu bất động sản xây dựng khi hàng loạt các mã giảm mạnh, thậm chí giảm sàn CEO (-9,9%), HDC (-7%), CII (-7%), DIG (-6,9%), NBB (-6,9%), DRH (-6,9%), L14 (-10%), HBC (-6,9%)... Nhóm thủy sản có phiên thăng hoa với nhiều mã tăng trần VHC (+7%), IDI (+6,7%), ANV (+6,8%), CMX (+6,7%)...

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường khai xuân với hai phiên tăng điểm liên tiếp để giúp chỉ số VN-Index tạm thời kết phiên hôm nay ngay trên ngưỡng tâm lý 1.500 điểm. Thanh khoản đã được cải thiện nhưng đây vẫn là mức thấp hơn trung bình của 20 phiên cho thấy là một bộ phận nhà đầu tư vẫn đang đứng ngoài quan sát. Kết hợp với thân nền nhỏ trong hai phiên liên tiếp và thanh khoản thấp thì khả năng bứt phá của thị trường trong phiên tiếp theo không được đánh giá cao. Bên cạnh đó, hợp đồng tương lai VN30 tháng 2/2022 hiện đang giao dịch thấp hơn chỉ số VN30 gần 15 điểm và đây thường là tín hiệu không tốt đối với thị trường trong ngắn hạn. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 9/2, chỉ số VN-Index có thể sẽ tiếp tục giằng co và rung lắc quanh ngưỡng tâm lý 1.500 điểm. Các nhà đầu tư đã tham gia mua vào trước Tết trong các phiên 12/1, 18/1 và 24/1 như khuyến nghị có thể tiếp tục nắm giữ danh mục và đứng ngoài quan sát.

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

8/2/2022

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

### VN-Index:

VN-Index giảm điểm vào đầu phiên giao dịch sáng, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.491,78 điểm. Nhưng sau đó, lực cầu mua lên gia tăng giúp chỉ số lấy lại sắc xanh, với mức cao nhất trong phiên tại 1.503,33 điểm. Về cuối phiên, áp lực bán gia tăng nhưng chỉ số vẫn giữ được sắc xanh cho đến hết phiên. Kết phiên, VN-Index tăng 3,33 điểm (+0,22%) lên 1.500,99 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: HPG tăng 2.500 đồng, VPB tăng 1.000 đồng, TCB tăng 1.000 đồng. Ở chiều ngược lại, VIC giảm 3.900 đồng.

### HNX-Index:

HNX-Index giảm điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay do chịu áp lực bán từ đầu phiên và xuyên suốt cho đến hết phiên giao dịch, với mức thấp nhất trong phiên tại 416,09 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 1,44 điểm (-0,34%) xuống 417,89 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: CEO giảm 5.500 đồng, L14 giảm 34.200 đồng, KSF giảm 2.200 đồng. Ở chiều ngược lại, HUT tăng 700 đồng.

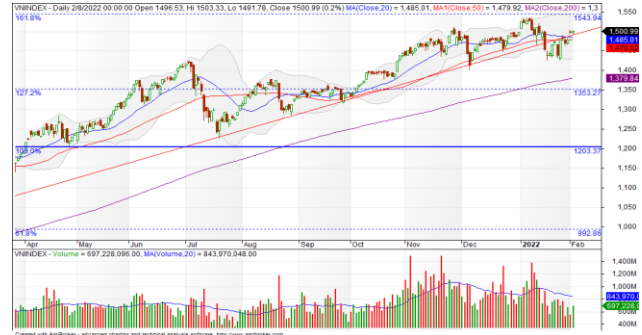
## GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

**Trên HOSE**, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 348,61 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 7,8 triệu đơn vị. VIC là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 290,3 tỷ đồng tương ứng với 3,3 triệu cổ phiếu, tiếp theo là VNM với 50,8 tỷ đồng tương ứng với 613 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, KBC là mã được mua ròng nhiều nhất với 63,9 tỷ đồng tương ứng với 1,1 triệu cổ phiếu.

**Trên HNX**, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 9,31 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 264,5 nghìn cổ phiếu. CEO là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 3,3 tỷ đồng tương ứng với 64,3 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là PVS với 3 tỷ đồng tương ứng với 102,9 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, EID là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 940 triệu đồng tương ứng với 37,4 nghìn cổ phiếu.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-Index:



VN-Index có phiên tăng điểm thứ hai liên tiếp trong năm Nhâm Dần 2022. Thanh khoản khớp lệnh đã được cải thiện so với phiên trước đó nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 20 phiên trong phiên thứ 13 liên tiếp cho thấy là dòng tiền vào thị trường đã được cải thiện nhưng một bộ phận nhà đầu tư vẫn đang đứng ngoài quan sát.

Góc nhìn kỹ thuật là lý thuyết sóng Elliot áp dụng trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên tăng hôm nay (+0,22%) thì chỉ số VN-Index hiện kết phiên ngay trên ngưỡng tâm lý 1.500 điểm. Qua đó khiến cho xu hướng tăng của thị trường tiếp tục được cải thiện. Tuy nhiên, với nền tảng thanh khoản vẫn ở mức thấp và thân nền khá nhỏ thể hiện sự giằng co thì có lẽ sẽ cần thêm thời gian rung lắc quanh ngưỡng này trước khi hướng đến những đỉnh cao mới.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 9/2, chỉ số VN-Index có thể sẽ tiếp tục giằng co và rung lắc quanh ngưỡng tâm lý 1.500 điểm.

Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán gia tăng mạnh thì chỉ số VN-Index có thể lui về test lại vùng hỗ trợ trong khoảng 1.480-1.485 điểm (MA20-50).

## TIN KINH TẾ VĨ MÔ

### Lượng khách tăng mạnh, du lịch khởi sắc

Khách du lịch dịp đầu xuân Nhâm Dần tăng mạnh, kỷ lục có địa phương lên tới hơn 200-500%. Bức tranh du lịch năm 2022 bừng sáng cả ở thị trường nội địa lẫn tín hiệu xin mở cửa quốc tế hoàn toàn từ dịp đầu tháng 4.



## TIN TRONG NƯỚC

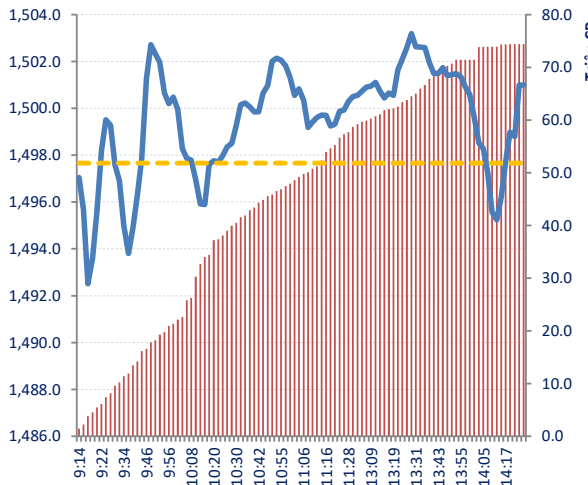
<b>Giá vàng trong nước giảm</b>	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 61,85 - 62,55 triệu đồng/lượng, giảm 800.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 1.050.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
<b>Tỷ giá trung tâm tăng 9 đồng</b>	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 8/2 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.090 VND/USD, tăng 9 đồng so với hôm qua.

## TIN QUỐC TẾ

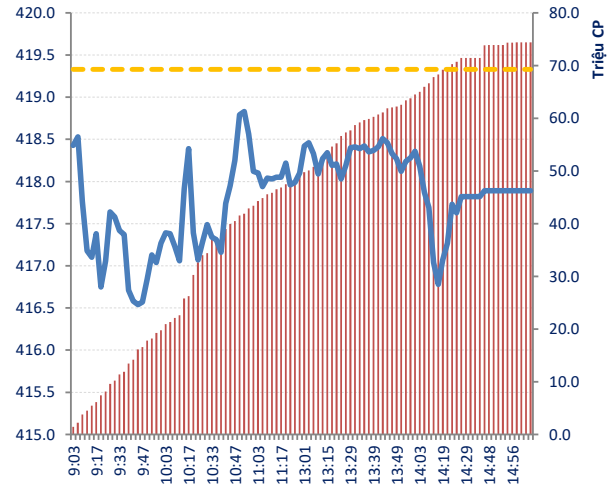
<b>Giá vàng thế giới giảm</b>	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 2,25 USD/ounce tương ứng với 0,12% xuống 1.819,55 USD/ounce.
<b>Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng</b>	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,235 điểm tương ứng 0,24% lên 95,620 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1404 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3540 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 115,38 JPY.
<b>Giá dầu thế giới giảm</b>	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,74 USD/thùng tương ứng với 0,81% xuống 90,58 USD/thùng.
<b>Chứng khoán Mỹ tăng giảm trái chiều</b>	Kết thúc phiên giao dịch ngày 7/2, Dow Jones tăng 1,39 điểm tương đương 0,003% lên 35.091,13 điểm. Nasdaq giảm 82,34 điểm tương đương 0,58% xuống 14.015,67 điểm. Nasdaq Composite giảm 16,66 điểm tương đương 0,37% xuống 4.483,87 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

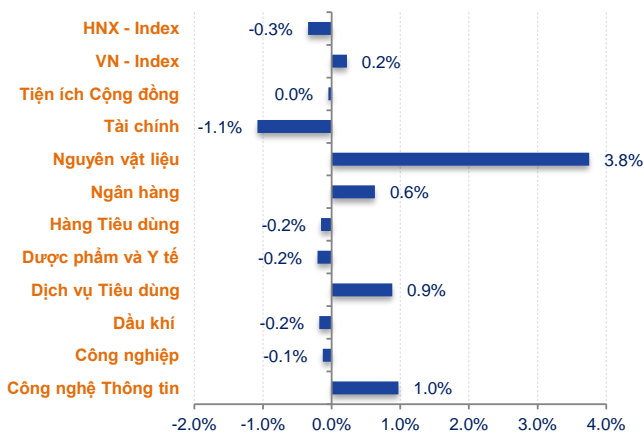
KLGD và VN-Index trong phiên



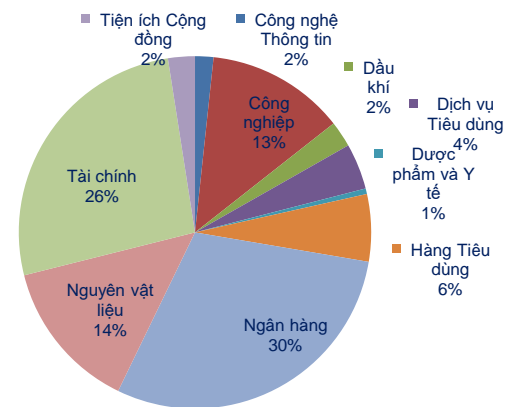
KLGD và HNX-Index trong phiên



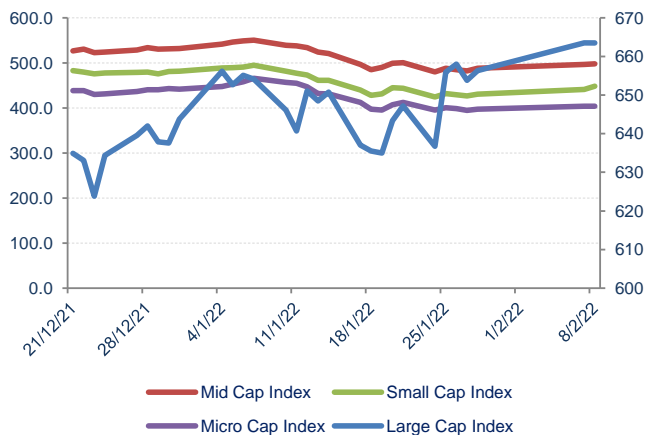
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



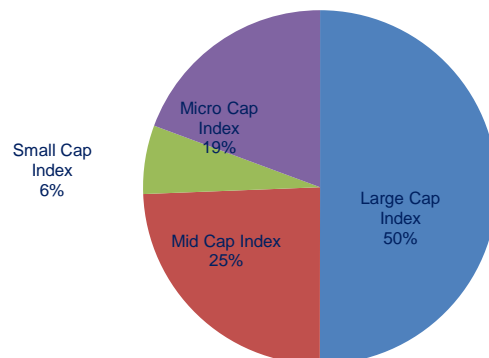
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DXG	1,438,400	VIC	3,285,199
2	KBC	1,138,900	NKG	1,204,600
3	CTG	882,600	HPG	1,074,600
4	HSG	506,000	E1VFN30	1,012,300
5	HVN	412,900	ROS	713,500

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	102,900	EID	37,400
2	CEO	64,300	IVS	17,000
3	NVB	43,000	LAS	6,400
4	PVI	35,300	IDC	6,000
5	KLF	20,800	NSH	4,100

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ACB	34.70	35.75	↑ 3.03%	32,689,200
FLC	11.85	12.00	↑ 1.27%	29,086,400
HPG	43.05	45.55	↑ 5.81%	29,017,700
ROS	7.58	7.79	↑ 2.77%	24,413,900
VPB	36.30	37.30	↑ 2.75%	22,498,900

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
UNI	17.90	19.60	↑ 9.50%	10,233,229
CEO	55.80	50.30	↓ -9.86%	6,916,337
KLF	6.00	6.10	↑ 1.67%	6,901,959
PVS	28.90	28.70	↓ -0.69%	5,810,608
SHS	41.00	41.50	↑ 1.22%	3,811,309

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CLW	30.00	32.10	2.10	↑ 7.00%
CSV	38.60	41.30	2.70	↑ 6.99%
KHP	15.05	16.10	1.05	↑ 6.98%
VHC	63.20	67.60	4.40	↑ 6.96%
SMC	35.30	37.75	2.45	↑ 6.94%

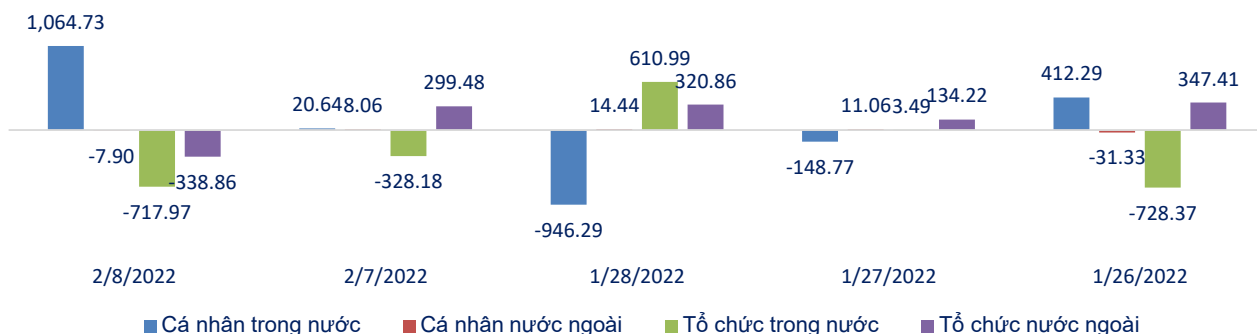
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
QHD	40.00	44.00	4.00	↑ 10.00%
PPE	11.00	12.10	1.10	↑ 10.00%
VDL	20.00	22.00	2.00	↑ 10.00%
VGP	25.20	27.70	2.50	↑ 9.92%
SDN	38.50	42.30	3.80	↑ 9.87%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HDC	80.00	74.40	-5.60	↓ -7.00%
CII	29.30	27.25	-2.05	↓ -7.00%
NHA	58.70	54.60	-4.10	↓ -6.98%
CEE	16.50	15.35	-1.15	↓ -6.97%
LBM	95.00	88.40	-6.60	↓ -6.95%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
L14	342.00	307.80	-34.20	↓ -10.00%
CEO	55.80	50.30	-5.50	↓ -9.86%
VNT	77.40	69.90	-7.50	↓ -9.69%
DVG	16.60	15.00	-1.60	↓ -9.64%
SIC	20.80	18.80	-2.00	↓ -9.62%

(\*) Giá điều chỉnh

**Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)**

**Top Mua ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	646.16	23.9%	3,554	9.8	2.1
VIC	309.60	-1.9%	(717)	-	2.2
FLC	76.37	13.1%	1,967	6.0	0.9
VNM	57.79	27.4%	4,563	18.3	4.9
APH	49.01	1.6%	425	75.9	1.1

**Top Bán ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	-65.69	6.0%	1,483	36.9	2.1
CTD	-36.09	0.3%	326	293.3	0.9
DXG	-30.47	7.5%	1,406	24.6	1.6
MWG	-30.15	27.3%	6,895	19.4	4.7
FPT	-28.56	21.6%	4,782	18.7	3.8

**Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VRE	3.47	4.4%	578	61.4	2.6
BVH	2.52	8.3%	2,410	23.0	1.9
SSI	2.21	13.0%	1,392	32.9	3.3
VIC	2.16	-1.9%	(717)	-	2.2
GAS	1.83	17.1%	4,531	25.3	4.2

**Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PVD	-10.63	0.1%	46	683.8	0.9
GDT	-6.75	22.7%	3,189	17.2	3.5
NVL	-3.90	7.9%	1,577	50.7	2.9
SKG	-2.94	-4.6%	(609)	-	1.5
BCM	-2.08	10.6%	1,702	46.8	5.1

**Top Mua ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	38.78	17.0%	2,662	13.6	1.9
CTD	31.38	0.3%	326	293.3	0.9
MWG	30.15	27.3%	6,895	19.4	4.7
FPT	29.02	21.6%	4,782	18.7	3.8
PNJ	22.57	18.3%	4,543	23.6	4.1

**Top Bán ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	-646.16	23.9%	3,554	9.8	2.1
FLC	-68.59	13.1%	1,967	6.0	0.9
APH	-62.06	1.6%	425	75.9	1.1
NBB	-34.84	18.2%	4,126	7.5	1.6
HDB	-27.59	21.8%	3,036	10.2	2.0

**Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	64.44	6.0%	1,483	36.9	2.1
DXG	50.03	7.5%	1,406	24.6	1.6
CTG	32.71	15.7%	2,932	12.4	1.9
NLG	20.28	10.5%	3,155	15.8	1.4
VND	18.34	19.6%	2,022	34.8	3.6

**Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	-292.25	-1.9%	(717)	-	2.2
VNM	-50.91	27.4%	4,563	18.3	4.9
HPG	-45.51	46.0%	7,708	5.6	2.1
NKG	-41.80	50.0%	10,428	3.1	1.3
VHC	-33.65	19.9%	6,052	10.4	2.0



## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	32,689,200	23.9%	3,554	9.8	2.1
FLC	29,086,400	3250.0%	1,967	6.0	0.9
HPG	29,017,700	46.0%	7,708	5.6	2.1
ROS	24,413,900	3.1%	324	23.4	0.7
VPB	22,498,900	17.0%	2,662	13.6	1.9

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
UNI	10,233,229	0.0%	1	15,897.7	1.7
CEO	6,916,337	-4.7%	(606)	-	4.4
KLF	6,901,959	0.4%	40	148.5	0.6
PVS	5,810,608	4.6%	1,238	23.4	1.1
SHS	3,811,309	25.5%	2,946	13.9	2.1

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CLW	↑ 7.0%	12.3%	2,142	14.0	1.7
CSV	↑ 7.0%	19.3%	4,728	8.2	1.6
KHP	↑ 7.0%	7.2%	836	18.0	1.3
VHC	↑ 7.0%	19.9%	6,052	10.4	2.0
SMC	↑ 6.9%	43.7%	14,369	2.5	0.9

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
QHD	↑ 10.0%	12.3%	2,131	18.8	2.1
PPE	↑ 10.0%	1.8%	77	143.1	2.5
VDL	↑ 10.0%	2.1%	291	68.6	1.4
VGP	↑ 9.9%	9.1%	2,168	11.6	1.1
SDN	↑ 9.9%	25.5%	7,193	5.4	1.4

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DXG	1,438,400	7.5%	1,406	24.6	1.6
KBC	1,138,900	6.0%	1,483	36.9	2.1
CTG	882,600	15.7%	2,932	12.4	1.9
HSG	506,000	48.0%	8,817	3.6	1.5
HVN	412,900	-832.8%	(7,832)	-	39.0

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	102,900	4.6%	1,238	23.4	1.1
CEO	64,300	-4.7%	(606)	-	4.4
NVB	43,000	0.0%	3	9,201.5	2.9
PVI	35,300	11.2%	3,722	13.0	1.6
KLF	20,800	0.4%	40	148.5	0.6

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	437,285	20.4%	4,464	20.7	3.1
VHM	357,929	35.3%	9,036	9.1	2.7
VIC	347,831	-1.9%	(717)	-	2.2
BID	239,774	12.7%	2,090	22.7	2.8
GAS	219,530	17.1%	4,531	25.3	4.2

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	60,725	25.2%	4,694	37.0	10.5
KSF	37,350	8.8%	739	168.5	6.2
IDC	18,780	11.8%	1,805	34.7	4.0
VCS	17,280	41.5%	11,163	9.7	3.7
NVB	17,261	0.0%	3	9,201.5	2.9

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TNI	3.58	-2.8%	(310)	-	0.7
SJF	3.47	0.5%	51	243.5	1.2
IDI	3.45	4.4%	600	21.1	0.9
NHA	2.93	0.8%	83	705.4	5.8
DLG	2.85	-13.6%	(1,130)	-	0.8

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	2.96	7.0%	343	32.1	2.2
CEO	2.33	-4.7%	(606)	-	4.4
SDA	2.21	3.3%	243	97.0	3.2
ART	2.15	0.1%	16	667.1	0.9
PV2	2.00	1.8%	119	64.7	1.2



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền**  
[hien.nth@shs.com.vn](mailto:hien.nth@shs.com.vn)

**Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành**  
[thanh.nk@shs.com.vn](mailto:thanh.nk@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

**Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)

---